

**TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 404/2025/HS-PT
Ngày: 26-9-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Ngô Mạnh Cường

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan, Thư ký viên Tòa phúc thẩm
Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ
Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Nguyệt H, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số
62/2025/TLPT-HS ngày 23/7/2025, đối với bị cáo Lê Trung N, do có kháng cáo
của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 309/2025/HS-ST ngày 16/6/2025 của
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 539/2025/QĐXXPT-HS
ngày 11/9/2025

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Trung N**, sinh ngày 08/7/1983, tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
Giới tính: nam; Nơi thường trú: I B - W; Trình độ văn hóa: 10/13; Nghề nghiệp:
Lao động tự do; Quốc tịch: Cộng hòa Liên bang Đ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên
chúa giáo; Con ông Lê T và bà Nguyễn Thị L; Có vợ (đã ly hôn) và 02 con, lớn
sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giam
từ ngày 22/7/2023 (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Trung N:* Ông Đoàn Hải M là Luật sư của Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Trung N:* Bà Nguyễn Thị B là Luật sư của Văn phòng L4, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 22/7/2023, Chi cục Hải quan Cửa khẩu Sân bay Quốc tế T1, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện hành lý của Lê Trung N đi trên chuyến bay số hiệu EK0392 quá cảnh từ Dubai nhập cảnh vào Việt Nam có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra, phát hiện các chất ma túy, gồm 4.303,2633 gam MDMA và 91,68 gam Ketamine để trong thùng carton gắn số thẻ EK 414114. N khai ma túy của N mang từ Đức về Thành phố Hồ Chí Minh, giao lại cho người khác để lấy tiền công, nên đã lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với N, cùng vật chứng.

Vật chứng là ma túy thu giữ của Lê Trung N đã được giám định tại Kết luận giám định số 8107/KL-KTHS ngày 01/8/2023 của Phòng K Công an Thành phố H.

Kết quả điều tra xác định Lê Trung N có quốc tịch Đ và sinh sống tại Đức. Năm 2018, N quen biết Lê Thị Mai L1 nên N thường xuyên về Việt Nam để ở chung với L1 tại huyện T, tỉnh Bình Thuận. N và L1 sử dụng tài khoản mạng xã hội facebook tên “B” đăng quảng cáo nhận vận chuyển hàng từ Đ về Việt Nam trên nhóm “Cộng đồng Hamburg” để nhận tiền công; khi có người thuê vận chuyển hàng, L1 sẽ cho số điện thoại 017682154627 của N ở Đức để người thuê và N thỏa thuận với nhau.

Lúc 17 giờ ngày 13/7/2023, người phụ nữ (không rõ lai lịch) sử dụng số điện thoại 015777958068 gọi điện thuê N vận chuyển bưu kiện từ Đức về Việt Nam. Sau đó, người phụ nữ này đi cùng người đàn ông tên Felix N1 (không rõ lai lịch) giao cho N 01 thùng carton tại nhà của N (địa chỉ: Im F B - W - G), thuê N vận chuyển về Việt Nam, khi đến Thành phố Hồ Chí Minh sẽ có người của Felix N liên hệ với N để nhận hàng. N mở thùng carton kiểm tra thấy nhiều hộp nhựa, hộp giấy và nhiều gói nylon in chữ “Fit food protein mix”, bên trong có nhiều viên nén, N biết rõ đây là ma túy, loại MDMA, nhưng do Felix Nguyễn Đ1 trước 200 Euro (tương đương 4.453.400 đồng) và hứa sẽ trả thêm 3.000 Euro (tương đương 66.801.000 đồng) nên N đã đồng ý vận chuyển ma túy cho F để lấy tiền công. Đến

ngày 22/7/2023, N nhập cảnh Việt Nam tại Cửa khẩu Sân bay Quốc tế T, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng như trên.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Lê Trung N khai nhận hành vi như trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với người phụ nữ và người đàn ông tên “Felix N1” thuê Lê Trung N vận chuyển ma túy, do không xác định được lai lịch nên không có cơ sở để xử lý.

Kết quả điều tra xác định Lê Thị Mai L1 không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Lê Trung N nên không xử lý.

Đối với các số điện thoại và tài khoản mạng xã hội có liên quan, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã yêu cầu các Công ty V cung cấp thông tin, dữ liệu để làm rõ, nhưng chưa có kết quả, sẽ xem xét xử lý sau khi có căn cứ.

Tại bản Cáo trạng số 118/CT-VKSTPHCM-PI ngày 14/02/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Đã truy tố bị cáo Lê Trung Nghĩa về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 309/2025/HS-ST ngày 16/6/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 40 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lê Trung N tử hình về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 19/6/2025, bị cáo Lê Trung N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Diễn biến tại phiên toà phúc thẩm: Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo N xác định từ khi bị bắt quả tang tại sân bay T và trong suốt quá trình điều tra, bị cáo không bị đánh đập, bức cung, mớm cung, dùng nhục hình. Bị cáo cho rằng khi nhận hàng hoá từ người phụ nữ tại Đức, vì quá tin tưởng nên bị cáo đã không kiểm tra, không biết đó là ma túy, bị cáo chỉ biết khi bị bắt; bị cáo và người gửi hàng không có thoả thuận về việc trả tiền. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, xác định ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà bản án sơ thẩm đã áp dụng, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào khác. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo N làm trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

2. Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo N:

- Về tội danh: Căn cứ vào biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, các biên bản ghi lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định bị cáo N đã có hành vi vận chuyển 4.303,2633 gam MDMA và 91,68 gam Ketamine từ Cộng hoà Liên bang Đ về Việt Nam. Do đó, bản án sơ thẩm xét xử bị cáo N về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Về hình phạt: Khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và tuyên phạt bị cáo N tử hình là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi. Tuy nhiên, tại Điều 250 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 (có hiệu lực pháp luật từ ngày 01/7/2025) đã bỏ hình phạt tử hình đối với tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”, do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm, chuyển từ hình phạt tử hình sang hình phạt tù chung thân đối với bị cáo.

Luật sư Đoàn Hải M phát biểu:

- Về tội danh: Luật sư không tranh luận.

- Về hình phạt: Người gửi hàng đã có sự chuẩn bị quá tinh vi và bị cáo do quá tin tưởng nên thiếu kiểm tra, không biết đó là ma túy; giữa bị cáo và người gửi hàng không có sự thoả thuận về việc trả 3.000 Euro; Cơ quan điều tra chưa làm hết trách nhiệm để dẫn dụ, bắt giữ người nhận ma túy tại Thành phố Hồ Chí Minh để chứng minh bị cáo chỉ là người đồng phạm giúp sức. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và tuyên phạt bị cáo với mức án 20 năm tù.

Luật sư Nguyễn Thị Bích phát B1:

- Về tội danh: Luật sư không tranh luận.

- Về hình phạt: Bị cáo N không phải là người chủ mưu, cầm đầu; khối lượng ma túy chưa được phát tán nên chưa gây nguy hiểm cho xã hội. Đề nghị Hội đồng

xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và tuyên phạt bị cáo với mức án 20 năm tù là phù hợp.

Bị cáo Lê Trung N phát biểu: Bị cáo N đồng ý với ý kiến của các Luật sư và không tranh luận.

Trong lời nói sau cùng: Bị cáo N thừa nhận hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Trung N làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư, bị cáo không khiếu nại, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo N, nhận thấy:

[3.1] Về tội danh:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo N tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ được, Bản kết luận giám định chất ma túy số 8107/KL-KTHS ngày 01/8/2023 của Phòng K - Công an Thành phố H, đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ để kết luận:

Khoảng 22 giờ ngày 22/7/2023, Lê Trung N đã thực hiện hành vi vận chuyển 4.303,2633 gam MDMA và 91,68 gam Ketamine từ Cộng hòa Liên bang Đ quá cảnh tại D về sân bay T, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị bắt quả tang.

Lê Trung Nghĩa là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được việc thực hiện hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy là phạm tội, nhưng vì động cơ vụ lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm nguy hiểm khác, gây mất trật tự an toàn xã hội. Với hành vi như trên, bản sơ thẩm đã xét

xử bị cáo N về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” với tình tiết định khung tăng nặng “*Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này*”, theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[3.2] Về hình phạt:

Khi quyết định hình phạt, nhận thấy bị cáo N khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định. Mặc dù có tình tiết giảm nhẹ nêu trên, nhưng nhận thấy khối lượng ma túy mà bị cáo vận chuyển là đặc biệt lớn, gấp nhiều lần mức khởi điểm của khung hình phạt. Do đó bản án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo N mức hình phạt tử hình là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi.

Tuy nhiên, nhận thấy tại khoản 4 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 (có hiệu lực pháp luật từ ngày 01/7/2025) đã sửa đổi, bổ sung Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, theo đó bỏ hình phạt tử hình đối với tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”; đồng thời căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 4 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025, Hội đồng xét xử quyết định chuyển hình phạt tử hình xuống hình phạt tù chung thân đối với bị cáo N.

[4] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy kháng cáo của bị cáo Nghĩa L2 có căn cứ để chấp nhận. Cần sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Trung N. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 309/2025/HS-ST ngày 16/6/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1] Tuyên bố: Bị cáo Lê Trung N phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

[2] Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 40 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 4 Điều 1, điểm b khoản 1 Điều 4 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội,

Xử phạt: Bị cáo Lê Trung N tù chung thân.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Trung N để đảm bảo thi hành án.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Trung N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày thời hạn hết kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Chí Hoà;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA, HCTP (NTCL).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa

